BIỂN VÀ LỤC ĐỊA
NHÌN LẠI VAI TRÒ CỦA CÁC CON ĐƯỜNG NÚI KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ(*)

VŨ THỊ XUYẾN*

1. Dẫn nhập

Cùng với Trung Hoa ở phía Bắc thì từ rất sớm Đại Việt đã có quan hệ kinh tế, văn hoá mật thiết với thế giới Đông Nam Á. Chia sẻ nhiều đặc tính tương đồng về địa lý, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu, nơi đây đã đóng góp vào hoạt động giao thương khu vực và quốc tế nhiều mặt hàng mang giá trị kinh tế rất cao. Nguồn hương liệu dồi dào đặc trưng của xứ nhiệt đới, lâm sản quý hiếm, hải sản phong phú, cùng hệ thống các thương cảng thuận lợi cho tàu thuyền neo đậu, Đông Nam Á đã trở thành thị trường thương mại sôi động, tiềm năng đối với các quốc gia phương Tây, đặc biệt là sau thế kỷ XV (1). Mặc dù rất khó để phân tách về tầm quan trọng của các quốc gia Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á bán đảo trong các mối giao thương, nhưng thực tế thì các nhà nghiên cứu có xu hướng chú ý và đánh giá cao hơn vị thế của các quốc gia hải đảo trong kết nối thương mại Đông - Tây (2). Đặt trong dòng chảy của lịch sử, ngay từ thời lập quốc, các mối giao lưu văn hoá - thương mại đã được thiết lập trong không gian được coi là "tiểu Địa Trung Hải" này. Nếu như các quốc gia hải đảo được cho là nơi tập trung đông đúc thương nhân, thuyền buôn đến từ nhiều khu vực địa lý khác nhau thì các quốc gia nằm sâu trong lục địa chính là nơi cung cấp nguồn hàng giá trị cao, phục vụ cho hoạt động trao đổi, mua bán tại các cảng thị. Do đó, mối quan hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo là mối quan hệ cộng sinh, không ngừng tác động qua lại lẫn nhau. Điều này được thấy rõ khi nhiều hàng hoá đặc trưng của các quốc gia xa biển, nằm sâu trong lục địa như Ai Lao (Lào), Chân Lạp (Cao Miên, tức Campuchia ngày nay) lại trở thành mặt hàng tiêu biểu, luôn được thương nhân tìm mua khi cập bến các cảng thị của Đông Nam Á (3). Đặt trong các kết nối nội vùng - liên vùng thì khu vực Bắc Trung Bộ (4) của Đại Việt là lối mở ra biển ngắn nhất, thuận lợi nhất của các quốc gia Đông Nam Á lục địa ở biên giới phía Tây. Trong ý nghĩa đó, bài viết nhằm nhìn nhận lại vai trò của các con đường núi - con đường xuyên lục địa trong giao điểm kết nối hệ thống thương cảng Bắc Trung Bộ với bờ sông Mekong. Do khuôn khổ của bài viết nên chúng tôi chỉ tập trung khảo cứu vùng Nghệ An - Hà Tĩnh và Quảng Bình - Quảng Trị.

*ThS. Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

2. Nguồn tư liệu và khoảng trống nghiên cứu

Nằm trong hệ thống cảng thị Bắc Trung Bộ, các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh giữ vị trí rất quan trọng. Là vùng đất biên viễn phía Nam của Đại Việt thời Lý - Trần (1009-1400), lại nằm ở vị trí địa lý chiến lược nên từ rất sớm nơi đây đã có mối quan hệ kinh tế, chính trị mật thiết với các quốc gia Đông Nam Á lục địa, đặc biệt là với Bồn Man, Nam Chưởng, Vạn Tượng (thuộc lãnh thổ của Lào ngày nay), Chân Lạp (thuộc Campuchia ngày nay) và tiểu quốc vùng Đông Bắc Thái Lan. Trong những nghiên cứu về vị thế của các thương cảng vùng Hoan Châu, Diễn Châu (tức khu vực Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay), công trình của các học giả quốc tế như Kenneth Hall (5), Momoki Shiro (6) có đóng góp rất quan trọng, mở ra nhiều ý tưởng, cách tiếp cận về mối quan hệ đan xen của chính trị triều cống và ngoại thương giữa Đại Việt và Đông Nam Á. Kenneth Hall trong công trình của mình đã nhấn mạnh đến hoạt động thương mại diễn ra thường xuyên tại các con đèo xuyên sơn thuộc vùng Hà Tĩnh, ông cho rằng thương nhân người Việt đã đi qua đèo Hà Trại (tức cửa khẩu Cầu Treo ngày nay) để đến bờ đông sông Mekong và xuôi xuống trung tâm thương mại của người Khmer (7). Momoki Shiro cũng đặc biệt đánh giá cao vai trò của vùng đất thuộc khu vực Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay. Bằng việc phân tích mối quan hệ chính trị triều cống và hoạt động thương mại giữa Đại Việt với Chămpa, Ai Lao, Cambodia (tức Chân Lạp), tác giả cho rằng con đường thương mại xuyên qua các đèo vùng Hoan Châu, Diễn Châu nối với cửa biển của Đại Việt là điều kiện then chốt để các quốc gia này tham gia vào hệ thống thương mại Biển Đông (8).

Kế thừa những thành tựu của các học giả quốc tế, trong công trình *Các thương cảng vùng Nghệ -Tĩnh và giao thương khu vực thế kỷ XI-XIV* (9), tác giả Nguyễn Văn Kim đã khảo cứu chi tiết về vị thế của vùng đất này trong các mối quan hệ giao thương khu vực và quốc tế. Nhấn mạnh đến các tuyến thương mại *cảng biển - cửa sông, tuyến giao thương nội thuỷ, tuyến giao thương Đại dương,* tác giả cũng có nhiều khảo cứu về *tuyến thương mại lục địa* (tuyến thương mại Đông - Tây), kết nối hệ thống thương cảng của Nghệ - Tĩnh với các quốc gia Đông Nam Á bán đảo ở phía Tây. ẩn chứa trong từng trang viết với tính khái quát cao, tác giả đã dựng lại một cách sống động vị thế, hoạt động giao thương trên các cảng thị của vùng đất biên viễn phía Nam Đại Việt dưới thời nhà Lý, nhà Trần.

Nối tiếp thành tựu nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước, Trần Trọng Dương trong công trình *Đường Lâm ở Hà Tĩnh và giao lộ Đông Tây từ Biển Đông đến Mekong* (10) thông qua khảo cứu nhiều nguồn tư liệu về thời Bắc thuộc đã khẳng định sự tồn tại của tuyến đường thương mại xuyên lục địa qua khu vực Diễn Châu, Hoan Châu. Đối chiếu nguồn tư liệu từ lịch sử, địa lý, bản đồ học tác giả đã có nhiều đóng góp khi dựng lại con đường núi/con đường xuyên đèo nối các thương cảng của vùng Nghệ - Tĩnh với các quốc gia nằm bên bờ sông Mekong. Bên cạnh những công trình hướng trọng tâm về hoạt động thương mại kết nối các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh đến bờ sông Mekong thì công trình *Tìm hiểu mối quan hệ giữa Đại Việt - Chân Lạp* của tác giả Nguyễn Tiến Dũng lại tập trung lí giải mối quan hệ có phần phức tạp đan xen giữa triều cống, xung đột quân sự, hoạt động thương mại của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI. Mặc dù thừa nhận đây là mối quan hệ phức tạp, đa

chiều ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, nhưng tác giả cũng đồng quan điểm khi cho rằng vùng đất Nghệ - Tĩnh là một trong những trung tâm thương mại nhộn nhịp ở biên giới phương Nam của Đại Việt dưới thời kỳ Lý, Trần và Lê Sơ (11).

Mặc dù đều nhấn mạnh đến vị thế, vai trò phên dậu của vùng đất Nghệ - Tĩnh trong quan hệ chính trị, kinh tế với các quốc gia phía Tây và phía Nam của Đại Việt nhưng do sự tản mát và thiếu vắng của các nguồn tư liệu nên thực tế câu hỏi về vị thế của các con đường núi đã được thiết lập và vận hành như thế nào vẫn chưa được giải đáp một cách cặn kẽ. Đặt trong không gian địa lý của khu vực Bắc Trung Bộ, xuống phía Nam thì sự nổi lên của tuyến thương mại vượt qua đèo Ai Lao (đèo Lao Bảo) xuôi xuống cảng Cửa Việt (Quảng Trị) đã giữ vị thế như thế nào trong quan hệ thương mại của chúa Nguyễn Đàng Trong với Đông Nam Á? Mặt hàng đặc trưng trên các tuyến thương mại này là gì? Đây là những khoảng trống mà bài viết muốn tập trung làm rõ, nhằm tái hiện chi tiết hơn mạng lưới và hoạt động của tuyến thương mại kết nối Đông - Tây ở khu vực Bắc Trung Bộ trong lịch sử.

3. Kết nối biển và lục địa ở vùng Hoan Châu - Diễn Châu

Như đã trình bày ở trên, tuyến đường xuyên lục địa qua vùng Nghệ An - Hà Tĩnh ngày nay là lối thông hành quan trọng nhất đến Biển Đông của các quốc gia Đông Nam Á lục địa. Đưa ra bằng chứng từ các bộ chính sử của Việt Nam và Trung Quốc về thời kỳ Bắc thuộc, Trần Trọng Dương đã nhấn mạnh đến vai trò của khu vực này không chỉ về mặt quân sự trong cuộc chiến chống lại chính quyền đô hộ phương Bắc, mà về mặt thương mại, nơi đây là giao điểm kết nối Biển Đông và sông Mekong. Theo tác giả, Từ Hoan Nghệ sang Lào có 3 đường: Tuyến thứ nhất: Diễn Châu/hoặc Vinh - Đô Lương - lên Mường Xén (Kỳ Sơn) đây là tuyến lớn nhất, đi từ Nghệ An; Tuyến thứ hai: tuyến Hồng Lĩnh/Can Lộc - Hương Sơn - Ngàn Phố - đèo Keo Nưa; Tuyến thứ ba: tuyến Kỳ Anh hoặc Quảng Trạch (Quảng Bình) đi Tuyên Hóa sang Thakhek (Lào). Hai tuyến sau từ bờ biển Đông đến bờ sông Mekong chỉ trên 100km (12). Nếu như những nhận định về vị thế của khu vực Hoan Châu, Diễn Châu trong các xung đột chính trị, quan hệ thương mại thời kỳ Bắc thuộc cần phải có những nghiên cứu sâu hơn, thì vùng đất biên viễn này của Đại Việt đã giữ một vị trí then chốt dưới thời kỳ độc lập trải các triều đại Lý (1009-1225), Trần (1226-1400), Lê sơ (1428-1527). Câu hỏi đặt ra ở đây là con đường thương mại xuyên sơn giữa các không gian địa lý này đã được tạo lập như thế nào và nguồn thương phẩm đã được vận chuyển ra sao?.

Trước khi đi tìm hiểu về hoạt động thương mại này trong quá khứ xa xưa thì chúng ta cần khẳng định rằng chính những kiến tạo của tự nhiên làm xuất hiện những con đèo thấp đã là chất xúc tác quan trọng cho sự kết nối các hoạt động thương mại giữa bờ biển Bắc Trung Bộ và khu vực sâu trong nội địa, xuyên biên giới tới bờ đông sông Mekong. Tìm hiểu về kiến tạo địa lý tự nhiên của vùng đất Nghệ - Tĩnh, nhà địa lý học nổi tiếng Lê Bá Thảo cho biết: Dãy Trường Sơn Bắc là dãy núi thấp, ít có những đỉnh cao như ở các dãy núi khác ở nước ta. Việc vượt qua núi được tiến hành dễ dàng qua các đèo, như đèo Keo Nưa chỉ cao có 734m và đèo Mụ Giạ lại còn thấp hơn - 418m. Các con đường giao thông huyết mạch giữa nước ta và nước bạn Lào đều chạy qua những đèo ấy, đấy cũng là những con đường có thể ra biển gần nhất của nước bạn (13). Miêu tả quá trình thành

tạo của các con đèo thấp này về mặt địa lý, tác giả cũng cho biết chi tiết con đường từ Vinh đến Lào qua đèo Keo Nưa như sau: Con đường từ Vinh đi qua Linh Cảm trên bờ sông Ngàn Sâu vượt qua đèo Keo Nưa đến Na Pê và sau đó qua Lào là con đường ngắn nhất để từ một cảng trên Biển Đông, người ta có thể tới một đoạn sông tàu bè có thể đi lại được trên sông Mê Công (14).

Cùng với dữ liệu địa lý học, thông qua chứng cứ khảo cổ học về sự tương đồng trong phong cách kiến trúc ở khu vực Bắc miền Trung, các nhà nghiên cứu đã khẳng định được vị thế của các tuyến đường bộ xuyên lục địa này trong lịch sử của Chămpa. Mặc dù dành nhiều sự quan tâm về con đường vượt qua đèo Lao Bảo để sang biên giới của Lào ở bên kia của dãy Trường Sơn, nhưng học giả William A. Southworth cũng làm nổi bật 3 tuyến đường cho đến ngày nay vẫn được sử dụng thường xuyên để kết nối miền Trung Việt Nam với thung lũng sông Mekong: Con đường đầu tiên là qua đèo Keo Nưa ở phía Bắc của tỉnh Hà Tĩnh, nối bờ biển Vinh với Thakhek bên bờ sông Mekong qua đường quốc lộ số 8. Về mặt địa lý, đây là con đường ngắn nhất từ trung lưu sông Mekong đến biển Nam Trung Hoa. Tuy nhiên, con đèo này vượt qua dãy Trường Sơn ở phía Bắc với nhiều đỉnh núi có độ cao lên đến 2.000 mét. Con đường thứ 2 là qua đèo Mụ Giạ ở Quảng Bình, nối Ba Đồn của Việt Nam đến Thakkek của Lào qua đường số 12. Con đường thứ ba dễ dàng nhất vượt qua dãy Trường Sơn đó là qua đèo Lao Bảo ở Quảng Trị, nối Đông Hà với Savannakhet của Lào qua đường quốc lộ số 9. Lộ trình này hiện nay là con đường thương mại chính giữa bờ biển Việt Nam và sông Mekong (15). Cùng với tư liệu từ các hiện vật khảo cổ học, bằng cách tiếp cận văn hoá miền Trung theo phương pháp địa - văn hoá, Trần Quốc Vượng trong những trang viết thấm đẫm tính khái quát và mô hình hoá, đã nhiều lần nhấn mạnh đến vai trò kết nối Đông - Tây của các dòng sông trải khắp miền Trung. Cùng với hệ thống sông thì các con đèo trải dọc theo hướng Bắc - Nam cũng đóng vai trò kết nối hơn là ngăn trở những giao lưu kinh tế, văn hoá của miền Trung (16).

Như vậy với các cứ liệu từ lịch sử, địa lý, khảo cổ học và văn hoá, diện mạo của con đường thương mại xuyên qua vùng Nghệ An - Hà Tĩnh kết nối Biển Đông với thung lũng sông Mekong đã dần được hiện rõ. Trên lộ trình thương mại đó, những thương phẩm của Lào, của Chân Lạp cùng nguồn hàng của Đại Việt đã gặp gỡ ở các địa điểm trao đổi như chân đèo, chân núi, các chợ trước khi nó được đưa xa hơn đến các cảng thị ở phía Đông. Những ghi chép trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi và của Lê Quý Đôn trong *Vân đài loại ngữ* đã giúp chúng ta hình dung rõ hơn về các nguồn hàng đặc trưng của các quốc gia ở biên giới phía Tây Đại Việt. Theo Nguyễn Trãi thì, Ai Lao có chăn sặc sỡ. Đồ cống có voi, sáp, chiêng đồng (17). Nói về các loại vải của Lào, Lê Quý Đôn đã cung cấp nhiều thông tin thú vị: Sách *Uyên giám*, khảo về Ai Lao, có nói: "Người Lào lấy trữ (gai) dệt gấm đường sợi lan can" (lan can: dệt ngang, dệt dọc, dệt chéo), dệt vải cải hoa ngô đồng". Sách *Hoa dương quốc chí* chép: "Lan can cũng như gai", tức ngày nay gọi là "phá Lào" (18). Các sản vật này của Lào đã được mang đến trao đổi với Đại Việt. Theo Lê Quý Đôn, phía Tây trấn Nghệ An, thông sang các nước Bồn Man, Lão Qua, Cao Miên. Dân các nước ấy đem trâu bò sang bán cho ta (19). Cùng với trâu bò, lâm sản thì vải của Lào cũng là một thương phẩm được nhắc đến nhiều trong các bộ địa chí: Nay nước Ai Lao bán các thứ phá Lào cũng là loại ấy. Phá Lào dệt bằng các sợi ngũ sắc sặc sỡ, rất

khéo, rất đẹp, một tấm dài đến hơn 20 thước, giá tiền sáu, bảy quan, dùng may màn rất tốt, còn thứ vải không có hoa màu cũng tốt (vải trắng) (20). Hoạt động buôn bán này dường như đã rất nhộn nhịp dưới thời nhà Trần: "Đời nhà Trần, thuyền buôn thông dương các nước; như vóc đoạn của các nước Tây Dương; vải hoa, trân châu, cánh trả, kim la (thanh la) của Trà Và; gấm, chim ưng, cá sấu, da tê, ngà voi, trầm hương, bạch đàn của Miên, Lào, không thiếu thứ gì; đều là những thứ đời sau ít có" (21).

Như vậy, bức tranh về sự kết nối giữa biển và lục địa thông qua các hoạt động thương mại ở khu vực Bắc miền Trung đã phần nào được hé lộ. Nổi bật trong hoạt động buôn bán này là vai trò của các tuyến đường xuyên sơn qua vùng Hoan Châu - Diễn Châu để kết nối với hệ thống thương cảng ở phía Đông của Đại Việt. Trong khung cảnh giao thương nhộn nhịp đó (22) chắc chắn có sự đóng góp rất lớn nguồn hàng từ lục địa, đó có thể là nguồn hàng bản địa hay xa hơn là từ bên kia dãy Trường Sơn hùng vĩ.

4. Thương mại qua đèo Ai Lao (Lao Bảo)

Như đã trình bày ở phần trên, cùng với các lối mở qua vùng Nghệ An - Hà Tĩnh, Quảng Bình thì tiến về phía Nam con đường thương mại xuyên qua đèo Ai Lao (còn gọi là đèo Lao Bảo) là một trong những lộ trình thuận tiện nhất để các quốc gia Đông Nam Á lục địa như Lạc Hoàn, Vạn Tượng... tham gia vào vào hệ thống thương mại Biển Đông thông qua cảng Cửa Việt (thuộc tỉnh Quảng Trị ngày nay). Nếu như trước thế kỷ XV, thông tin về hoạt động đi lại, buôn bán trên tuyến đường này hầu như không được đề cập trong các bộ chính sử Đại Việt, mà thay vào đó là vai trò trung tâm của vùng Nghệ An - Hà Tĩnh, thì dưới thời chúa Nguyễn đây được coi là con đường thương mại trên bộ "nhộn nhịp nhất" xứ Thuận Hoá (23). Đặt trong bối cảnh lịch sử của thời đại thì sự thiếu vắng tư liệu ghi chép về hoạt động buôn bán trên tuyến đường thương mại này có thể được lí giải như sau.

Thứ nhất là về mặt địa lý, vùng đất Hoan Châu, Diễn Châu dưới thời Lý, Trần là biên giới phía Nam của Đại Việt, tiếp giáp với vương quốc Chămpa (Chiêm Thành, Lâm Ấp), do đó việc các đoàn triều cống hay thương nhân của Vạn Tượng, Chân Lạp theo đường bộ, đi qua lãnh thổ của Chămpa để đến Đại Việt hẳn là sẽ không khỏi xảy ra các va chạm, xung đột quyền lực trong việc kiểm soát các sản vật, thương phẩm quý giá.

Thứ hai là miền núi giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế Chămpa (24). Để có được nguồn thương phẩm từ rừng hẳn là những con đường thâm nhập vào sâu trong lục địa đã được thiết lập. Trải dọc trên địa hình bị chia cắt bởi các dòng sông (theo hướng Tây - Đông) và các con đèo (theo hướng Bắc - Nam), có những khu vực núi ăn sâu ra đến tận biển đã tác động rất lớn đến quá trình kiến lập nhà nước và thể chế chính trị của Chămpa. Các nhà nghiên cứu gọi đó là mô hình nhà nước "phân quyền", mô hình của các tiểu quốc (Pura). Xem xét ở khu vực Bình - Trị - Thiên, khi nói về "cây văn hoá Quảng Trị trong rừng văn hoá Việt Nam", Trần Quốc Vượng cũng cho rằng Quảng Trị ngày xưa có ít nhất hai vùng: Vùng Ma Linh (Minh Linh) với cảng Cửa Tùng (Minh Linh - Tùng Luật) với trục sông Hiền Lương nối liền núi - biển, tây - đông; Vùng Châu Ô (Thuận Châu) với cảng Cửa Việt (Việt Khách, Việt Hải) với trục sông Thạch Hãn nối liền núi - biển, tây - đông. Bằng những khảo sát thực tế, ông cho biết tháp Chàm còn tìm thấy ở Lâm Lang, Cam Giang, Cam

Lộ, di tích Chàm ngày xưa dày đặc ở Cổ Thành, Ái Tử, Trà Liên…) (25). Khảo sát nhiều khu vực của miền Trung, ông cũng khẳng định "quy hoạch" (26) đặc trưng không thể thiếu của một tiểu quốc (vùng) văn hoá Chămpa đó là cảng thị ở phía Đông, trung tâm tôn giáo ở phía thượng nguồn (sâu trong lục địa) và trung tâm hành chính (thành) ở phía hạ lưu. Các dòng sông chảy theo hướng Tây - Đông là trục sông thiêng giữ vị trí không thể thay thế về mặt kinh tế và tôn giáo trong lịch sử, văn hoá của người Chăm. Cho đến ngày nay thực tế những dấu ấn của văn hoá Chămpa vẫn còn rất đậm nét trên nhiều di tích ở Quảng Trị đặc biệt là hệ thống giếng Chăm (27) và hệ thống đền tháp (28).

Song hành cùng trục lộ của sông Thạch Hãn/ sông Quảng Trị/ sông Hiếu/ sông Cam Lộ, rất có thể con đường thương mại xuyên qua đèo Ai Lao (đèo Lao Bảo) nối xuống cảng Cửa Việt đã có từ thời Chămpa và cũng là con đường huyết mạch quan trọng để Chămpa có được nguồn hàng từ vùng nội địa phía Tây. Cũng theo tác giả Trần Quốc Vượng "hai cảng Cửa Việt, Cửa Tùng đều là hai cảng quốc tế tiền Chàm và Chàm, từ trước sau công nguyên, trước khi trở thành cảng (quốc gia, quốc tế) của người Việt từ thế kỷ XI về sau" (29). Chắc chắn là cùng với Tây Nguyên, Lào cũng là quốc gia cung cấp cho người Chăm một số lượng không nhỏ nguồn lâm sản, tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho các hoạt động ngoại giao và thương mại của Chămpa. Phải chăng cũng chính vì sự kiểm soát mạnh mẽ của người Chăm trên tuyến thương mại qua đèo Ai Lao nên trước thế kỷ XV các thương nhân Đông Nam Á như Chân Lạp, Vạn Tượng rất khó tiếp cận để thiết lập quan hệ buôn bán với Đại Việt.

Chúa Nguyễn khi làm chủ đất Thuận Hoá đã kế thừa nhiều di sản kinh tế của Chămpa (30). Các nhà nghiên cứu thường nhấn mạnh đến vai trò góp phần hồi sinh các cảng thị miền Trung (31) của chúa Nguyễn Đàng Trong. Nhưng rõ ràng chúng ta cần thừa nhận rằng bên cạnh các mặt hàng được mang đến từ thị trường khu vực thông qua việc đánh thuế thuyền buôn đến và đi, thì các sản phẩm từ rừng, từ nội địa cũng chiếm một số lượng không hề nhỏ. Những trang viết của Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* đã vẽ ra hình ảnh những cánh rừng già giàu có, trù phú với đa dạng nguồn lâm sản của xứ Thuận - Quảng. Hơn nữa, Nguyễn Hoàng (cq: 1558-1613) trong buổi đầu xây dựng thế cuộc cát cứ đã chọn Ái Tử (32) bên dòng sông Thạch Hãn làm thủ phủ của xứ Thuận Hóa. Điều này đã cho thấy tầm nhìn chiến lược của Nguyễn Hoàng. Bởi lẽ tại vị trí đắc địa này, Đoan quận công *không những kiểm soát được nguồn thương phẩm từ phía Tây mà còn dễ dàng kết nối với các thương nhân ngoại quốc thông qua cảng Cửa Việt ở phía Đông*. Phải chăng cũng chính từ ý tưởng của chúa Tiên Nguyễn Hoàng mà Nguyễn Phúc Nguyên - vị chúa thứ hai của Đàng Trong (cq: 1613-1635), sau khi nắm quyền đã cho thành lập dinh Ai Lao (33). Việc thiết lập dinh Ai Lao chắc chắn không chỉ có ý nghĩa về mặt quân sự (ở đây có sự hiện diện của quân đội) mà còn nhằm kiểm soát các hoạt động thương mại đã diễn ra nhộn nhịp tại đây.

Nếu chúng ta thừa nhận những "giả thuyết" được nêu ở trên đây là đúng thì câu hỏi cần phải trả lời ở đây là lịch sử đã phản ánh hoạt động buôn bán trên con đường qua đèo Ai Lao - đến Đông Hà và cảng Cửa Việt như thế nào? Bằng việc miêu tả hoạt động buôn bán tại chợ Cam Lộ - trung tâm hội tụ nguồn hàng từ đèo Lao Bảo về và từ cảng Cửa Việt lên, trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn đã cung cấp nhiều thông tin quý giá về khung cảnh trao đổi nhộn

nhịp này: "Xã Cam Lộ huyện Đăng Xương ở thượng lưu sông Điếu Ngao, dưới thông với cửa Việt, trên tiếp với các sách nguồn Sái đất Ai Lao, đường sá của dân man đều ra từ đấy. ở xa thì nước Lạc Hoàn, Vạn Tượng, phủ Trấn Ninh, châu Quy Hợp, các bộ lạc Lào đều có đường thông đến đấy rất là xung yếu" (34).

Không chỉ nhấn mạnh vai trò của tuyến giao thương này trong mối quan hệ với các quốc gia ở phía Tây, những ghi chép của Lê Quý Đôn còn cho biết cả một "cơ chế" vận hành, kiểm soát của chúa Nguyễn đối với thương nhân khi muốn thâm nhập vào sâu trong lục địa để buôn bán: "Từ xã ấy (Cam Lộ) vào một ngày đến phường An Khang có sở tuần gọi là tuần Ba Trăng, cũng gọi là đồn Hiếu Giang. Theo lệ, các lái buôn đến đồn xin giấy đi vào đầu nguồn mua trâu bò thóc gạo các thứ sản vật, mỗi năm phải nộp thuế 120 quan tiền. Từ tuần ấy đi hai ngày rưỡi đến đất nước Ai Lao bên sông Cái. Họ Nguyễn có đặt dinh đóng 6 thuyền quân ở đấy, quân đều là lính mọi, gọi là dinh Ai Lao. Bên hữu sông xã Cam Lộ có tuần Cây Lúa, cũng như lệ tuần Hiếu Giang, thuế hàng năm rất ít. Từ ấy thông sang đạo Mường Vang và nước Vạn Tượng. Bên tả đồn Hiếu Giang có tuần Ngưu Cước, cũng như lệ tuần Hiếu Giang thuế hàng năm 120 quan tiền. Các động ở tả hữu Hiếu Giang trở lên người man cày cấy và chăn nuôi rất nhiều. Từ xã Cam Lộ đi lên tuần Hiếu Giang hết một ngày. Từ Hiếu Giang đi lên đầu nguồn núi Thác Ma một ngày. Từ Cam Lộ xuống ngã ba bến Dạ một ngày. Từ bến Dạ (tục gọi là xã Dã Độ) xuống cửa Việt nửa ngày, lên rừng xuống biển hai đường giống nhau" (35). Dưới thời kỳ của chúa Nguyễn, thuế Nguồn (thuế đánh vào hoạt động thương mại với thương nhân miền xuôi khi buôn bán với miền thượng) đóng góp một nguồn thu không nhỏ vào bức tranh kinh tế của chính quyền Thuận Hoá. Chắc chắn là đã có một hệ thống kinh tế, cơ chế quản lý, tác động về mặt xã hội xung quanh sự tồn tại của các Nguồn trong hệ thống kinh tế của Đàng Trong.

Mặc dù hình ảnh nhiều thương đoàn tấp nập trên các cảng thị của miền Trung dần thưa thớt và ít ỏi dưới thời kỳ nhà Nguyễn (1802-1945), nhưng những ghi chép trong các bộ địa chí đồ sộ về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên trên nhiều vùng miền của Đại Nam vẫn giúp chúng ta hình dung được vị thế chiến lược, then chốt của các khu vực này trong lịch sử. Khi viết về cương vực của dinh Quảng Trị, Sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* chép: phía Nam giáp dinh Quảng Đức tại sông Lương Phước, phía bắc giáp dinh Quảng Bình tại Phong Lộc, phía đông giáp biển, phía Tây tiếp giáp với các sơn động mà xứ Cam Lộ là then chốt để gìn, giữ biên giới với Ai Lao (36). Về dinh Ai Lao, *Đại Nam nhất thống chí* chép: "Bảo Trấn Lao trước có thuế nguồn, nay thuộc huyện Thành Hoá. Đất này giáp giới man Lão, đường núi thông suốt các ngả, rất là trọng yếu. Hồi đầu bản triều (tức chúa Nguyễn) đặt dinh Ai Lao, lệ có quân 6 thuyền đóng giữ. Năm Gia Long 14 đổi làm đạo, lấy dân ở gần đạo phụ việc phòng thủ, gọi là cơ thuyền Tân An. Năm Minh Mệnh thứ 14, đắp một bảo ở địa phận tổng Làng Hạ gọi là bảo Ai Lao, lấy 50 lính cơ Định Man đến đóng thú (37).

Cùng với các ghi chép trong các bộ địa chí thì dưới thời Nguyễn, tư liệu bản đồ học cũng cung cấp thêm nhiều thông tin đáng chú ý, mà nổi bật là bản đồ *An Nam đại quốc hoạ đồ* (38) do giám mục Jean-Louis Taberd xuất bản năm 1838 (39) (thường gọi là Bản đồ Taberd 1838). Là bản đồ được vẽ theo kỹ thuật của người phương Tây, *An Nam đại quốc hoạ đồ* đã cụ thể hoá nhiều chỉ dẫn quý giá về mặt địa lý, địa danh của

vương quốc An Nam. Khi vẽ về địa phận của trấn Quảng Trị, tác giả đã cho biết lộ trình từ cảng Cửa Việt - lên dinh Quảng Trị - ngược lên đến Cam Lộ (nguồn Cam Lộ?) - qua đồn Ai Lao - đến vùng Cửu Châu (Vel Tiêm - nay thuộc đất của Lào) - tới bờ sông Mekong và bên kia sông là tháp Bacanon và Mục Đã Hãn (Mukdahan - thuộc Thái Lan ngày nay), phía trên tháp là địa danh tháp Kì Nam. Nếu như những mốc giới, địa danh quan trọng của Quảng Trị đã được *An Nam đại quốc hoạ đồ* phản ánh thì hẳn là tuyến đường thương mại qua đèo/đồn Ai Lao xuôi xuống Cam Lộ và ra đến Cửa Việt là tuyến đường quan trọng kết nối Lào với Biển Đông. Con đường ấy phải chăng là con đường kỳ nam - trầm hương - những thương phẩm nổi tiếng của Lào trong lịch sử.

Trên giao lộ Đông Tây vượt đèo Ai Lao thì chợ Cam Lộ chính là nơi hội tụ đa dạng các nguồn hàng. Theo *Phủ biên tạp lục*: "Hai bên tả hữu phía trên sông Hiếu Giang thì dân các động sách ở, cày cấy chăn nuôi rất nhiều, người buôn ở các xã thường mang muối, mắm, cá khô, đồ sắt, nồi đồng, thoi bạc, hoa xuyến, các đồ lặt vặt, đến đất người Man đổi lấy các hàng hóa thóc, gạo, gà, trầu, gai, sáp, mây, gió, vải man, màn man, thuê voi chở về Cam Lộ. Người Man cũng có lấy voi chở được 30 gánh, mỗi gánh được 20 bát. Cũng có một phiên chợ lùa trâu đến 300 con đến bán, giá một con trâu không quá 10 quan, giá một con voi chỉ có 2 hốt bạc và một khẩu súng nhỏ. Nếu giảm nhẹ thuế tuần và thôi thu thuế đầu voi thì có thể lấy được voi của nước Ai Lao đến để dùng về việc biên giới, cũng thu được lợi nhiều về các hàng quý và súc vật" (40). Nhờ những miêu tả của Lê Quý Đôn, chúng ta hình dung được cả một khung cảnh buôn bán tấp nập của chợ ở đầu Nguồn, chợ vùng biên giới. Dưới thời chúa Nguyễn, việc đánh thuế từ các hoạt động buôn bán, giao thương tại thượng Nguồn đã mang đến một nguồn thu không nhỏ cho chính quyền Phú Xuân.

Với lối mở dễ dàng tới Biển Đông, hoạt động thương mại xuyên sơn trên tuyến Cửa Việt - Cam Lộ - Lao Bảo của các quốc gia như Vạn Tượng, Lạc Hoàn đã diễn ra một cách thường xuyên. Nếu như con đường xuyên qua vùng núi Nghệ An - Hà Tĩnh, các bộ địa chí của Đại Việt đã nhấn mạnh đến các mặt hàng nổi bật của Lào là nguồn lâm sản quý, trâu bò, vải Man (tức vải Lào, phá Lào). Dưới thời kỳ chúa Nguyễn đây vẫn là mặt hàng phổ biến trong các hoạt động trao đổi, buôn bán, Lê Quý Đôn đã cho biết tại chợ Cam Lộ, có những phiên người Lào mang về tới 300 con trâu (41).

Chúng ta biết rằng Lào là một quốc gia lục địa điển hình ở Đông Nam Á. Lịch sử của Lào được biết đến với các tên gọi như Lan Xang, Vạn Tượng, Lạc Hoàn… Với vị trí địa lý nằm giữa Đại Việt (dưới thời Nguyễn là Đại Nam) ở phía Tây và Siam (Xiêm, Thái Lan) ở phía Đông nên quốc gia của người Lào đã sớm chịu ảnh hưởng mạnh mẽ về chính trị, kinh tế của người Việt và người Thái. Điều này được thể hiện rõ nhất dưới thời kỳ cầm quyền của vương triều Nguyễn (42). Thực tế cũng cho thấy thông tin ghi chép về hoạt động thương mại của Lào trong lịch sử thường rất tản mát và ít ỏi. Tuy nhiên, với sự xuất hiện của người châu Âu sau các phát kiến địa lý và sự ra đời của các công ty Đông Ấn nên nhiều vùng đất "hoang sơ" của Đông Nam Á đã có sức thu hút mạnh với các nhà du hành, thương nhân đang tìm kiếm các sản phẩm đặc trưng của xứ nhiệt đới và thiết lập các mạng lưới thương mại. Lào vào thế kỷ XVI cũng là địa điểm thu hút sự quan tâm của nhiều nhà thám hiểm phương Tây. Theo ghi chép của người Bồ Đào Nha, người Tây Ban Nha thì một trong những

sản phẩm đặc trưng của Lào mà những thương nhân này rất muốn thu được đó là xạ hương (musk). Bên cạnh đó nhà sử học người Bồ Đào Nha João de Barros (1496-1570) còn nhấn mạnh rằng vàng được trao đổi ở Ayudhya (tức vương quốc Ayutthaya) đều được lấy từ Lào (43). Cùng với vàng, xạ hương thì cánh kiến trắng (Benzoin) và cánh kiến đỏ (Gummlac) cũng là những sản vật nổi tiếng của Lào được ghi chép vào thế kỷ XVII. Những mặt hàng của Lào mang đến giá trị kinh tế cao khi được giao thương tại thị trường khu vực. Theo một bức thư viết vào ngày 12-12-1685, Verret đã cho biết rằng lợi nhuận mang lại từ việc buôn bán với Lào là 200%, trong khi đó là 100% với Macao và Trung Quốc, 70-80% với Tonkin và 60% với Timor Borneo. Chính những lợi nhuận của các sản vật tự nhiên này đã khiến người Thái luôn muốn độc quyền các hoạt động buôn bán tại đây (44).

Chúng ta biết rằng sự hưng thịnh của thương mại Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn cũng đồng thời là thời kỳ phát triển rực rỡ của vương quốc Lan Xang dưới thời vua Suryavongsa (Xu-li-nha Vông-xa (cq: 1637-1694). Theo nhiều nhà nghiên cứu thì thương mại chính là nguồn thu chính mang lại của cải cho vương quốc (45). Cũng trong thời kỳ trị vì của vua Vongsa, thương nhân Hà Lan Van Wusthof, từ năm 1641 đến 1644, đã có chuyến thám hiểm đi từ Cambodia đến Lào dọc theo sông Mekong. Ông đã có cơ hội được diện kiến nhà vua và có nhiều ghi chép mang giá trị tham khảo rất cao về địa lý, tài nguyên thiên nhiên, con người của vương quốc Lan Xang. Đây cũng là những ghi chép có hệ thống đầu tiên của người phương Tây về lịch sử, xã hội của Lào (46). Theo miêu tả của Van Wusthof và đoàn thám hiểm thì nguồn tài nguyên của Lào nổi bật với gỗ quý, các sản phẩm của rừng, vàng, xạ hương, da hươu, cánh kiến trắng và cánh kiến đỏ (47). Nguồn thuế của quốc gia được lấy từ cánh kiến đỏ (gum-lac), cánh kiến trắng (benzoin) và vàng. Tại những nơi khai thác vàng thì cứ 100 người đàn ông hoặc 100 hộ gia đình phải đóng thuế khoảng 2 picul 1 năm. Bên cạnh đó Van Wusthof cũng bị thu hút bởi các sản phẩm thủ công của Lào, đặc biệt là các loại vải. Các tác giả đã nhắc đến một trung tâm sản xuất lụa nổi tiếng của Lào, có tên là Huyloun (Huay Luong, Huay Luang). Lụa (vải?) từ đây được mang đến trao đổi với Siam, Tonkin, Quinam và Cambodia (48). Theo miêu tả của Garnier (1870 - 1871), thì trong quá khứ lụa sản xuất tại Phonphisai đã được xuất khẩu sang Đàng Ngoài, Đàng Trong và Cambodia. Khi người Siam tiến hành xâm lược Lào vào thế kỷ XIX thì được sự hậu thuẫn của triều đình Siam, người Hoa đã giữ vai trò vận chuyển các sản phẩm của Lào về Siam, trong khi trong quá khứ thì các sản phẩm này được chuyển đến bờ biển An Nam (49).

Những ghi chép của người phương Tây đã cung cấp nhiều thông tin quý giá về hoạt động thương mại tại Lào trong sự kết nối với bờ biển của Đàng Trong, hẳn là trên lộ trình đó thương mại qua đèo Ai Lao - xuống Đông Hà và cảng Cửa Việt là lộ trình thương mại quan trọng.

Dưới thời thuộc địa, người Pháp trong chương trình phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Trị cũng nhấn mạnh đến nhiều "trung tâm thương mại" vốn đã có một quá khứ phát triển rực rỡ. Khi nói về hoạt động thương mại tại các chợ lớn ở Quảng Trị, các báo cáo này đều khẳng định vị thế của chợ Cam Lộ. Ghi chép về tiềm năng kinh tế của Quảng Trị, công sứ Pháp A.Laborde cho rằng: "Tỉnh Quảng Trị, về phương diện kinh tế: Do vị trí lưu thông dễ dàng với Huế, dần dà nó sẽ chiếm được vai trò quan

trọng khi mà kinh đô An Nam càng trở nên quan trọng, nhất là khi Kinh đô một phần lớn nhận tiếp tế từ Quảng Trị. Sông thiên nhiên, và sông đào mà ghe đò luôn đi lại được, đã làm cho hai nơi trực tiếp liên hệ với nhau, và không ngừng buôn bán được với nhau. Buôn bán trước tiên tại chợ Ngô Xá, phủ Triệu Phong, và tiếp tục về phía Bắc tại các chợ lớn hơn là Cam Lộ và chợ Huyện" (50). Tác giả cũng nhấn mạnh đến vị trí của chợ Cam Lộ trong việc đón nhận các nguồn hàng từ Lào về: "Việc buôn bán này hẳn càng phát triển hơn nữa dựa vào các phương tiện lưu thông vừa rẻ tiền vừa dễ dàng như vừa nói, nhất là khi chợ Cam Lộ, vốn là trung tâm buôn bán với người thiểu số, sẽ trở thành đầu mối liên lạc tự nhiên của đường sông Mekong đổ hàng từ Lào về, và khi chợ Huyện vốn rất quan trọng sẽ trở thành đầu mối của con sông đào đang được dự kiến sớm hay muộn cũng được thực hiện để lấy gạo của vùng Quảng Bình" (51). Phản ánh trong một nghiên cứu về *Cách sử dụng đá trong thời xa xưa ở An Nam - Indonésie -Assam* của Madeleine Colani, khi ghi chép về chợ Cam Lộ, bà cho biết: "Chợ lớn Cam Lộ ở cực Nam con đường tỉnh lộ 76, trong thung lũng. Ngày nay, đây vẫn là ngôi chợ quan trọng nhất, có lẽ cũng như xưa kia vậy. Chợ này có liên hệ, một phần với vùng rẻo cao, vùng Gio Linh, phần khác, bởi con đường số 9, với nước Lào, với tỉnh Tchépone. Người dân tộc thiểu số ở vùng này của nước Lào (như Kha, Mọi...) thường xuống đi chợ này, có lẽ họ cũng đã đi chợ này từ thời cổ xa xưa" (52).

Trong nghiên cứu nhân học về tộc người Bru-Vân Kiều- cư dân sống ở thượng nguồn sông Hiếu/sông Cam Lộ, nhà nhân học Gábor Vargyas đã có nhiều khảo cứu về lịch sử của tộc người vốn giữ vai trò nổi bật nhất trên mạng lưới giao thương xuôi - ngược này. Tác giả cho rằng: "phần lớn những dụng cụ hay đồ dùng (cồng, chiêng, nồi sứ, niêu đất, các loại nồi bằng kim loại, dụng cụ sắt, đồ trang sức bằng bạc, vòng cổ đá quý, các dụng cụ bằng đồng, rượu nếp, rượu gạo để sử dụng làm lễ) xuất xứ từ người Việt, bằng cách trao đổi hay mua lại. Chúng ta không thể không nhắc đến tầm quan trọng của người Bru, trong việc lưu chuyển hàng hóa bằng voi từ biển vào thung lũng sông MêKông, trên trục đường đó thường họ cũng ghé qua chợ Cam Lộ ở Quảng Trị... Qua quá trình nghiên cứu điền dã của tôi (Gábor Vargyas), tôi được thấy thế hệ lớn tuổi vẫn còn có kí ức về việc này, việc này đồng nghĩa với việc con đường thương mại này mới bị lãng quên gần đây" (53).

Với các tư liệu từ địa lý, bản đồ học, dân tộc học, vai trò của con đường thương mại qua đèo Lao Bảo đã được phản ánh đậm nét trong lịch sử. Dưới thời chúa Nguyễn Đàng Trong, bằng chính sách quản lý mềm dẻo với vùng thượng nguồn, chính quyền Phú Xuân đã có được nhiều nguồn hàng đặc trưng của lục địa mang giá trị kinh tế cao. Điểm cuối cùng của lộ trình thương mại này là cảng Cửa Việt - thương cảng then chốt của vùng Bắc Trung Bộ trong kết nối với thị trường khu vực và quốc tế.

5. Kết luận

Mối quan hệ giữa biển và lục địa là kết nối tự nhiên, hằng xuyên và có ý nghĩa quan trọng với miến Trung Việt Nam nói chung và khu vực Bắc Trung Bộ nói riêng. Những thương phẩm đặc trưng của xứ nhiệt đới mà nổi bật là nguồn gỗ quý, sản vật từ rừng, khoáng sản… là mặt hàng mang lại kinh tế cao, nền tảng cho hoạt động giao thương lại các cảng biển ở phía Đông. Không thể phủ nhận rằng, vùng núi phía Tây Trung Kỳ là một trong những nhân tố then chốt tạo nên sự hưng thịnh của vương quốc Chămpa và sau này là thời

kỳ cầm quyền của chúa Nguyễn Đàng Trong. Hoạt động buôn bán sôi động tại hệ thống thương cảng của Đàng Trong cùng sự có mặt của nhiều đối tác thương mại như người Hoa, người Nhật, thương nhân Đông Nam Á, nhà truyền giáo, du hành phương Tây đã cho thấy sự phát triển của ngoại thương trong hệ thống kinh tế của chính quyền Thuận Hoá. Những thương thuyền đến và đi, sự hoạt động mạnh mẽ của nhiều thương nhân trong khu vực và quốc tế chắc chắn đã mang lại nguồn thu đáng kể, bù lấp cho những thiếu hụt của từ nông nghiệp của xứ Thuận - Quảng.

Là những người đến sau, chúa Nguyễn trong bối cảnh tạo dựng thể chế cát cứ ở bên kia dãnh Hoành Sơn đã kế thừa nhiều di sản của người tiền nhiệm Chămpa, trong đó đặc biệt là về mặt thương mại. Các con đường buôn bán xuyên lục địa, theo hệ thống đường mòn băng qua các cánh rừng, kết nối từ cảng biển với nội địa đã được chúa Nguyễn tái sử dụng trong các chính sách quản lý và khai thác nguồn lợi của vùng núi phía tây. Đặt trên không gian địa lý của khu vực Bắc Trung Bộ thì việc hình thành "con đường núi", "con đường xuyên sơn" đã sớm xuất hiện ngay từ thời kỳ của nhà Lý, nhà Trần. Mà ở đó nổi bật lên vai trò của các cảng biển Hoan Châu, Diễn Châu kết nối qua con đường bộ, xuyên qua các con đèo thấp đến bờ đông của sông Mekong. Thương phẩm của vùng nội địa thông qua buôn bán của thương nhân người Lào, Chân Lạp, Đại Việt… đã được đưa đến trao đổi tại các cảng thị ở phía đông của chính quyền Thăng Long. Dưới thời kỳ Đàng Trong, tuyến thương mại kết nối biển và lục địa quan trọng nhất là thông qua đèo Ai Lao - Cam Lộ - xuôi xuống Đông Hà và điểm cuối là cảng Cửa Việt. Nhiều nhà nghiên cứu đã khái quát vị thế của nó có thể so sánh với con đường thương mại qua đèo An Khê thâm nhập vào Tây Nguyên ở phía Nam của Đàng Trong. Sự nổi lên của tuyến thương mại này còn đặc biệt quan trọng, nhất là với các quốc gia của Đông Nam Á lục địa ở phía Tây như Vạn Tượng, Lạc Hoàn, và vùng Đông Bắc Thái Lan. Việc thiết lập các mối quan hệ thương mại với chính quyền Đàng Trong không chỉ bổ sung sự thiếu hụt các sản phẩm đặc trưng của đại dương như muối, cá mà còn nhằm cân bằng giữa yếu tố biển và lục địa của các quốc gia này.

Sự xuất hiện của các chợ đầu nguồn nằm ở giao điểm giữa thượng nguồn và hạ nguồn như trường hợp của chợ Cam Lộ (nguồn Cam Lộ) chắc chắn nằm trong chiến lược của chúa Nguyễn. Hệ thống thuế đã được xây dựng để nhằm kiểm soát người miền xuôi lên buôn bán ở miền ngược, những mốc giới hạn Kinh - Thượng đã được đặt ra đã cho thấy những cố gắng của chúa Nguyễn trong việc bình ổn vùng núi phía Tây và còn thu về nguồn lợi cho ngân sách quốc gia. Thương nhân miền xuôi tìm thấy ở Cam Lộ không chỉ là hàng hoá của xứ Thuận Hoá mà còn là nguồn hàng của những vùng xa xôi như Quỳ Hợp, Trấn Ninh len lỏi qua các con đường núi và hội tụ tại đây, cùng với đó là thương phẩm của thị trường bản địa. Sự kết nối của thượng nguồn - hạ nguồn vẫn còn được ghi chép khi có sự xuất hiện của người Pháp, hay dưới thời kỳ Việt Nam độc lập. Nơi gặp gỡ của miền núi và đồng bằng đã được phản ánh qua con mắt của những nhà địa lý học như sau: "Không cảnh tượng nào vui mắt bằng cảnh tượng họp chợ ở vùng giao tiếp này giữa miền núi và đồng bằng, không phải chỉ vì sắc phục lạ mắt của nhiều dân tộc mà còn vì người ta có thể trong phạm vi của một khoảng đất nhỏ thấy bày ra trước mắt những của cải quý của Trường Sơn: Tre và

luồng, mai và vầu, gỗ quý, trầm hương, mộc nhĩ, mật ong, da gấu, da báo, ngà voi và hàng loạt những sản vật khác" (54). Mặc dù con đường thương mại qua đèo Lao Bảo (ngày nay được biết đến với tên gọi đường Quốc lộ số 9), cũng chứng kiến những thăng trầm trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhưng ngược về quá khứ, ở nơi đây đã diễn ra những hoạt động giao thương nhộn nhịp, sầm uất và đi cùng với đó là những giao lưu văn hoá đậm nét giữa núi và biển.

CHÚ THÍCH

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đề tài mã số: CS.2022.09.

(1). Sự xuất hiện của các cuộc phát kiến lớn về địa lý vào thế kỷ XV đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong mối quan hệ giữa phương Đông và phương Tây. Đây cũng là điều kiện then chốt thúc đẩy và mở ra kỷ nguyên thương mại rực rỡ ở khu vực Đông Nam Á. Xem thêm M. C. Ricklefs, Bruce Lockhart, Albert Lau, Portia Reyes, and Maitri Aung Thwin. *A New History of Southeast Asia*. Palgrave Macmillan. 2010. pp.134-164.

(2). Về lịch sử Đông Nam Á, xem thêm: D.G.E. Hall. 1981. History of South East Asia. Red Globe Press; Nicholas Tarling. 1992. *The Cambridge History of Southeast Asia.* Volume I. From Early Times to c. 1800. Cambridge University Press; Victor Lieberman. 2003. *Strange Parallels Southeast Asia in Global Context*. c. 800 - 1830, Volume Integration on the Mainland. Cambridge University Press; Anthony Reid. 1993. *Southeast Asia in the Age of commerce*. Volume 2: expansion and crisis. Yale University press new Haven and LonDon; Kenneth R. Hall. 2010. *A History of Early Southeast Asia: Maritime Trade and Societal Development. 100-1500*. Rowman & Littlefield Publishers. United Kingdom.

(3). Điều này được minh chứng rất rõ trong trường hợp của Hội An - thương cảng quốc tế lớn nhất dưới thời chúa Nguyễn Đàng Trong. Thương nhân đến Hội An không chỉ mua được hàng hoá của thị trường bản địa mà còn nhiều mặt hàng của các quốc gia trong khu vực, đặc biệt là rất nhiều hàng hoá đặc trưng của Đông Nam Á. Xin xem thêm Kỷ yếu hội thảo *Đô thị cổ Hội An*. Nxb. Khoa học Xã hội. 1991. Hà Nội.

(4). Bắc Trung Bộ là khu vực Bắc miền Trung của Việt Nam, bao gồm các tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

(5). Kenneth R. Hall. *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*, University of Hawaii Press. Honolulu. 1985.

(6). Momoki Shirro. 1998. "Dai Viet and the South China sea trade from the 10th to the 15th Century". *Crossroads: An Interdisciplinary Journal of Southeast Asian Studies*. Vol. 12. No. 1, pp. 1-34.

(7). Kenneth R. Hall. *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*, Cited. pp.188.

(8). Momoki Shirro.1998. "Dai Viet and the South China sea trade from the 10th to the 15th Century", cited, pp.13-16.

(9). Nguyễn Văn Kim, "Các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh và giao thương khu vực thế kỉ XI-XIV". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. số 12 (440). 2012, tr.3-19 và số 1 (441); 2013. tr.16-25.

(10). Bài viết của tác giả Trần Trọng Dương được công bố trên tạp chí Tia Sáng:

https://tiasang.com.vn/-van-hoa/Duong-Lam-o-Ha-Tinh-va-giao-lo-Dong-Tay-tu-Bien-Dong-den-Mekong-Ky-2-Giao-lo-dong-tay-tu-Bien-Dong-den-Mekong-28440. Truy cập ngày 25- 12-2021.

(11). Nguyễn Tiến Dũng. "Về quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 10 - 2010. tr. 39 - 56.

(12). Xem thêm: https://tiasang.com.vn/-van-hoa/Duong-Lam-o-Ha-Tinh-va-giao-lo-Dong-Tay-

tu-Bien-Dong-den-Mekong-Ky-2-Giao-lo-dong-tay-tu-Bien-Dong-den-Mekong-28440.

(13). Lê Bá Thảo. *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb. Giáo Dục. Hà Nội, 2001. tr.155.

(14). Lê Bá Thảo. *Thiên nhiên Việt Nam*, sđd. tr.160.

(15). William A. Southworth and Tran Ky Phuong. "The Discovery of Late Angkorian Khmer Sculptures at Campã Sites and the Overland Trade Routes between Campã and Cambodia" in: Arlo Griffiths. Andrew Hardy and Geoff Wade. *Champa Territories and Networks of a Southeast Asian Kingdom*. EFEO (école Francaise d'Extrême - Orient). 2019. pp.327.

(16). Khi nói về địa lý của miền Trung, Trần Quốc Vượng đã nêu lên bốn hằng số địa lý nổi bật tại đây: Núi - Biển - Sông - Đèo.

Sông nối núi rừng với biển khơi

Đèo có chia mà cũng có nối Bắc - Nam.

Trần Quốc Vượng, "Một cái nhìn địa văn hoa về Xứ Nghệ trong bối cảnh miền Trung". trong *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*. Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật. Hà Nội, 1998, tr.284.

(17). Nguyễn Trãi. "Dư Địa chí" (Phan Huy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính và chú thích). in trong *Nguyễn Trãi toàn tập Tân biên*. Tập II. Nxb Giáo Dục - Trung tâm nghiên cứu quốc học. tr.472.

(18). Lê Quý Đôn. *Vân đài loại ngữ*. Nxb. Văn hóa Thông tin. Hà Nội. 2006. tr.403.

(19), (20), (21). Lê Quý Đôn. *Vân đài loại ngữ*. sđd. tr.156, 404, 156.

(22). Về hoạt động giao thương trên các cảng thị vùng Nghệ An - Hà Tĩnh, xin xem thêm Nguyễn Văn Kim. "Các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh và giao thương khu vực thế kỉ XI-XIV". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. Số 12 (440). 2012, tr.3-19.

(23). Li Tana. *Nguyễn Cochinchina Southern Vietnam in the Seventeenth and Eighteenth Centuries*. Southeast Asia Program Publications Cornell University Ithaca. Newyork.1998. pp.121.

(24). Andrew Hardy. "Eaglewood and the economic history of Champa and central Vietnam". in Andrew Hardy. Mauro Cucarzi and Patrizia Zolese. *Champa and the Archaeology of Mỹ Sơn (Vietnam)*. p.107-125; Arlo Griffiths, Andrew Hardy and Geoff Wade, *Champa Territories and Networks of a Southeast Asian Kingdom*, EFEO (école Francaise d'Extrême - Orient). 2019; Trần Kỳ Phương. Bruce M, Lockhart (eds) (2011). *The Cham of Vietnam History, Society and Art*. NUS Press, Singapore.

(25). Trần Quốc Vượng, *Vài suy nghĩ về văn hóa Quảng Trị cổ*, trong Trần Quốc Vượng, *Việt Nam cái nhìn địa văn hoá*, Nxb. Văn hoá Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, Hà Nội, tr.374-387.

(26). Trần Quốc Vượng, "Miền Trung Việt Nam và Văn hoá Chămpa (một cái nhìn địa - văn hoá)", trong Trần Quốc Vượng, *Việt Nam cái nhìn địa văn hoá*, sđd, tr. 333-336.

(27). Xin xem thêm bài viết của tác giả Nguyễn Tiến Đông, https://tiasang.com.vn/-doi-moi-sang-tao/Di-tim-bi-an-gieng-Cham-20687.

(28). Lê Đức Thọ, *Văn hoá ChămPa -Di tích và Huyền thoại (tỉnh Quảng Trị)*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2011.

(29). Trần Quốc Vượng. *Vài suy nghĩ về văn hóa Quảng Trị cổ*, sđd, tr.358.

(30). Xin xem thêm công trình: Danny Wong Tze Ken. *The Nguyen and Champa during 17th and 18th Century: A Study of Nguyen Foreign Relations*. Champaka Monograph No. 5. Paris-San Jose: International Office of Champa, 2007.

(31). Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định rằng: thế kỷ XVI - XVII là buổi hồi sinh của các cảng biển miền Trung và Nam Trung Bộ nước ta: Cửa Tùng (Tùng Luật), Cửa Việt (Việt Hải môn hay Việt Khách) (Quảng Trị), Cửa Eo (Thuận An) Thanh Hà, cửa Tư Hiền (Thừa Thiên Huế), cửa Hàn - cửa Đại (Đà Nẵng, Hội An, Quảng Nam), Thị Nại (Quy Nhơn, Bình Định), Nha Trang (Khánh Hòa), Phan Rang, Phan Thiết (Thuận Hải)…. Xin xem thêm: Trần Quốc Vượng (Cb.).

Biển với người Việt cổ. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1996. tr.31.

(32). Dinh Ái Tử thuộc huyện Vũ Xương, sau được đổi thành huyện Đăng Xương, rồi Thuận Xương, đều thuộc tỉnh Quảng Trị.

(33). *Đại Nam thực lục* cho biết về sự kiện thành lập dinh Ai Lao như sau: "Nhâm Tuất, năm thứ 9 [1622], chúa cho rằng sông Hiếu xã Cam Lộ (thuộc huyện Đăng Xương) giáp giới với đất Ai Lao, các bộ lạc Man Lục Hoàn, Vạn Tượng, Trấn Ninh, Quy Hợp, đều có đường thông đến đấy, bèn sai đặt dinh, mộ dân chia làm 6 thuyền quân để coi giữ, gọi là dinh Ai Lao. Viện sử học. *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Nxb Giáo Dục. Hà Nội, 2004. tr.41.

(34). Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục* (Trần Đại Vinh dịch và bổ chính). Nxb. Khoa học Xã hội - MaiHabooks, Hà Nội, 2019. tr.121.

(35). Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục*, sđd. tr.121-122.

(36). Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm ngôn ngữ Đông - Tây, 2005, tr.339.

(37). Viện Sử học, *Đại Nam Nhất thống chí*, tập 1, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2006, tr.204 - 205.

(38). https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/btv1b53093605j/f1.item.zoom. Truy cập ngày 8-12- 2021.

(39). Xin xem thêm: https://anhsontranduc.wordpress.com/2017/04/27/tam-ban-do-cua-vi-giam-muc-va-su-hoi-tu-ban-do-hoc-viet-nam-va-phuong-tay/. Truy cập ngày 8- 12- 2021.

(40), (41). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, sđd. tr.236-237, 237.

(41). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, sđd, tr.237.

(42). Xem thêm Mayoury Ngaosyvathn, Pheuiphanh Ngaosyvathn. *Paths to Conflagration: Fifty Years of Diplomacy and Warfare in Laos, Thailand, and Vietnam, 1778-1828*, Cornell University Press, Ithaca, New York, 1998.

(43). Dẫn theo Mayoury Ngaosyvathn, Pheuiphanh Ngaosyvathn. *Paths to Conflagration: Fifty Years of Diplomacy and Warfare in Laos, Thailand, and Vietnam, 1778-1828*, cited, pp.52.

(44). Mayoury Ngaosyvathn, Pheuiphanh Ngaosyvathn. *Paths to Conflagration: Fifty Years of Diplomacy and Warfare in Laos, Thailand, and Vietnam, 1778-1828*, cited. pp.53.

(45). Martin Stuart-Fox. *The Lao Kingdom of Lan-Xang: Rise and Decline*. White Lotus Press. 1998, P.49; Christopher E. Goscha, Christopher Goscha, Soren Ivarsson. *Contesting Visions of the Lao Past: Laos Historiography at the Crossroads*. Nordic Institute of Asian Studies Publisher. 2003.

(46). Carool Kersten. *Strange Events in the Kingdoms of Cambodia and Laos 1635-1644*. White Lotus press. 2003. Thailand.

(47), (48). Carool Kersten. *Strange Events in the Kingdoms of Cambodia and Laos 1635-1644*, cited. pp.20, 25.

(49). Dẫn theo *Mayoury Ngaosyvathn, Pheuiphanh Ngaosyvathn. Paths to Conflagration: Fifty Years of Diplomacy and Warfare in Laos, Thailand, and Vietnam, 1778-1828*, cited, pp.52.

(50). A.Laborde. *"Tỉnh Quảng Trị"*. trong *Những người bạn cố đô Huế*, Tập VIII. 1921. Nxb Thuận Hoá, Huế, 2001, tr.204.

(51). A.Laborde, "Tỉnh Quảng Trị", sđd, tr.204.

(52). *Những người bạn cố đô Huế tập XXVII 1940*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2012, p.98.

(53). Gábor Vargyas. *Bất chấp định mệnh, Văn hoá và phong tục tập quán của người Bru-Vân Kiều*. Nxb. Đông Tây-Nxb. Dân Trí, Hà Nội, 2018, tr.46-47.

(54). Lê Bá Thảo, *Thiên nhiên Việt Nam*, sđd, tr.157. Xem thêm: Phạm Quỳnh, Du lịch xứ Lào, Tạp chí *Nam Phong,* số 158/1931.